

LUẬN A TỶ ĐÀM TỶ BÀ SA

QUYỂN 49

Chương 3: **KIẾN ĐỘ TRÍ**

Phẩm 1: **TÁM ĐẠO**, Phần 4

Niệm giác chi tương ứng với hỷ giác chi. Hỷ giác chi đều ở trong nhóm. Thể của niệm giác chi tương ứng với hỷ giác chi, không tương ứng với niệm giác chi. Vì sao? Vì ba việc nên tự thể không tương ứng với tự thể, như trước đã nói.

Cùng với niệm giác chi, cũng tương ứng với hỷ giác chi: Nghĩa là trừ sự tương ứng của niệm giác chi. Vì sao? Vì niệm giác chi kia có nhiều nên trừ đi. Và niệm giác chi, hỷ giác chi đi chung trong nhóm, là tự thể của niệm giác chi, hỷ giác chi. Các tâm sở khác đều tương ứng với cả hai. Pháp tương ứng kia là gì? Đó là tám đại địa, mười đại địa thiện, địa có giác quán thì có giác quán. Và tâm không tương ứng với hỷ giác chi, niệm giác chi, nghĩa là không tương ứng với hỷ giác chi niệm giác chi. Pháp không tương ứng đó là gì? Đó là thiên Vị chí, trung gian, đệ tam, đệ tứ, thể của niệm giác chi trong ba Vô sắc, không tương ứng với niệm giác chi. Vì sao? Vì ba việc nên tự thể không tương ứng với tự thể, như trước đã nói.

Cũng không tương ứng với hỷ giác chi. Vì sao? Vì trong các địa kia không có hỷ. Các pháp tâm, tâm sở khác, trong đây đều nói tất cả tâm vô lậu, lại vô dư, hữu dư, pháp tâm, tâm sở hữu lậu, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, tạo ra trường hợp thứ tư.

Như niệm giác chi hỷ giác chi, niệm giác chi chánh kiến, chánh giác, cũng giống như thế.

Hỏi: Các pháp tương ứng với niệm giác chi, cũng tương ứng với chánh niệm chăng?

Đáp: Đúng vậy!

Dù cho tương ứng với chánh niệm, cũng tương ứng với niệm giác

chi chẳng?

Đáp: Đúng vậy! Như niệm giác chi, thì giác chi trạch pháp, tinh tiến, khinh an, định, xả, chánh phương tiện (chánh tinh tiến), chánh niệm, chánh định, cũng nói như thế.

Các pháp tương ứng với trạch pháp giác chi, cũng tương ứng với chánh kiến chẳng?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với chánh kiến thì cũng tương ứng với trạch pháp giác chi.

Có pháp nào tương ứng với trạch pháp giác chi mà chẳng phải chánh kiến hay không?

Đáp: Có, chánh kiến đã không gồm nhiếp pháp tương ứng với trạch pháp giác chi. Pháp đó là gì? là pháp tương ứng với tận trí, trí vô sinh.

Các pháp tương ứng với tinh tiến giác chi thì cũng tương ứng với chánh phương tiện phải không?

Đáp: Đúng vậy!

Nếu tương ứng với chánh phương tiện, thì cũng tương ứng với tinh tiến giác chi phải chẳng

Đáp: Đúng vậy!

Các pháp tương ứng với định giác chi, cũng tương ứng với chánh định phải chẳng?

Đáp: Đúng vậy!

Nếu tương ứng với chánh định, thì cũng tương ứng với định giác chi phải chẳng?

Đáp: Đúng vậy!

Các pháp tương ứng với hỷ giác chi, cũng tương ứng với khinh an giác chi chẳng?

Đáp:

1. Hoặc tương ứng với hỷ giác chi, không tương ứng với khinh an giác chi, cho đến tạo ra bốn trường hợp:

Hỷ đối với tất cả tâm vô lậu, không đối với tất cả địa.

Khinh an ở trong tất cả tâm vô lậu, cũng tồn tại đối với tất cả địa.

Tương ứng với hỷ giác chi, chẳng phải tương ứng với khinh an giác chi.

Khinh an giác chi tương ứng với hỷ giác chi.

Hỷ giác chi đều có trong nhóm, thể của khinh an giác chi tương ứng với hỷ giác chi, không tương ứng với khinh an giác chi. Vì sao? Vì ba việc, nên tự thể không tương ứng với tự thể, như trước đã nói.

2. Tương ứng với khinh an giác chi, chẳng phải tương ứng với hỷ giác chi, đó là hỷ giác chi, khinh an giác chi đi chung trong nhóm. Thể của hỷ giác chi tương ứng với khinh an giác chi. Vì sao? Vì ba việc, nên tự thể không tương ứng với tự thể, như trước đã nói.

Hỷ giác chi khác không tương ứng với pháp tương ứng của khinh an giác chi. Pháp ấy là gì? Đó là thiền Vị chí, thiền trung gian, đệ tam, đệ Tứ thiền trong ba Vô sắc.

Pháp tương ứng của khinh an giác chi tương ứng với khinh an giác chi, chẳng phải hỷ giác chi. Vì sao? Vì trong địa kia không có hỷ.

3. Tương ứng với hỷ giác chi, cũng tương ứng với khinh an giác chi, nghĩa là trừ khinh an giác chi, tương ứng với khinh an giác chi. Vì sao? Vì nhiều nên dứt trừ!

Khinh an giác chi hỷ giác chi đều có trong nhóm, trừ tự thể, các pháp tâm, tâm sở khác đều tương ứng với hai. Pháp đó là gì? Đó là chín đại địa, chín đại địa thiện. Ở địa có giác, có quán thì có giác, quán và tâm.

4. Chẳng phải tương ứng với hỷ giác chi, cũng chẳng phải tương ứng với khinh an giác chi, là hỷ giác chi không tương ứng khinh an giác chi. Pháp đó là gì? Là thiền Vị chí, thiền trung gian, đệ tam, đệ Tứ thiền trong ba Vô sắc. Thể của khinh an giác chi không tương ứng với hỷ giác chi. Vì sao? Vì trong địa đó không có hỷ, nên cũng không tương ứng với khinh an giác chi. Vì sao? Vì ba việc, nên tự thể không tương ứng với tự thể, như trước đã nói.

Các pháp tâm, tâm sở khác, trong đây đều nói tất cả là tâm vô lậu. Lại tâm hữu lậu, pháp tâm sở, hữu dư vô dư, cũng sắc vô vi, Tâm Bất Tương Hành. Các pháp như thế v.v... không tương ứng với hỷ giác chi, cũng không tương ứng với khinh an giác chi. Như hỷ giác chi và khinh an giác chi, hỷ giác chi và xả giác chi, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, cũng nói giống như thế.

Các pháp tương ứng với hỷ giác chi, cũng tương ứng với chánh kiến chăng? Hỷ ở trong tất cả tâm vô lậu, không ở nơi tất cả địa. Chánh kiến ở trong tất cả địa, không tồn tại trong tất cả tâm vô lậu, cho nên được lập ra bốn trường hợp lớn:

1. Tương ứng với hỷ giác chi, chẳng phải chánh kiến: nghĩa là chánh kiến tương ứng với hỷ giác chi.

Hỷ giác chi đi chung trong nhóm. Thể của chánh kiến tương ứng với hỷ giác chi, không tương ứng với chánh kiến. Vì sao? Vì ba việc, nên tự thể không tương ứng với tự thể, như trước đã nói.

Chánh kiến khác không tương ứng với pháp tương ứng của hỷ giác chi. Pháp đó là gì? Là tận trí, trí vô sinh trong Sơ thiền, đệ Nhị thiền. Pháp tương ứng của hỷ giác chi đi chung trong nhóm. Không tương ứng với chánh kiến. Vì sao? Vì là nhóm của người khác.

2. Tương ứng với chánh kiến, chẳng phải hỷ giác chi, nghĩa là hỷ giác chi tương ứng với chánh kiến. chánh kiến đi chung trong nhóm. Thể của hỷ giác chi tương ứng với chánh kiến, không tương ứng với hỷ giác chi. Vì sao? Vì ba việc, nên tự thể không tương ứng với tự thể, như trước đã nói.

Hỷ giác chi không tương ứng với pháp tương ứng của chánh kiến. Pháp ấy là gì? Đó là thiền Vị chí, thiền trung gian, đệ tam, đệ Tứ thiền trong ba Vô sắc.

Pháp tương ứng của chánh kiến không tương ứng với hỷ giác chi, vì trong địa kia không có hỷ.

3. Tương ứng với hỷ giác chi, cũng tương ứng với chánh kiến: Trừ chánh kiến tương ứng với hỷ giác chi, trừ hỷ giác chi tương ứng với chánh kiến, còn lại là các pháp tâm, tâm sở khác. Pháp đó là gì? Đó là tám đại địa, mười đại địa thiện. Ở địa có giác, có quán thì có giác, quán và tâm.

4. Không tương ứng với hỷ giác chi, cũng không tương ứng với chánh kiến, nghĩa là chánh kiến không tương ứng với hỷ giác chi. Pháp đó là gì? là thiền Vị chí, thiền trung gian, đệ tam, đệ Tứ thiền trong ba Vô sắc. Thể của chánh kiến không tương ứng với hỷ giác chi. Vì sao? Vì trong địa kia không có hỷ. Không cùng với tương ứng chánh kiến. Vì sao? Vì ba việc, nên tự thể không tương ứng với tự thể, như trước đã nói. Hỷ giác chi không tương ứng với chánh kiến. Pháp ấy là gì? Là Sơ thiền, đệ Nhị thiền, tận trí, trí vô sinh đều có trong nhóm. Thể của hỷ giác chi không tương ứng với chánh kiến. Vì sao? Vì là nhóm của người khác.

Không tương ứng với hỷ giác chi. Vì sao? Vì ba việc, nên tự thể không tương ứng với tự thể, như trước đã nói. Tâm, pháp tâm sở khác, pháp đó là gì? Là thiền Vị chí, thiền trung gian, đệ tam, đệ Tứ thiền trong ba Vô sắc. Tận trí, trí vô sinh đều có trong nhóm. Tâm, pháp tâm sở hữu lậu, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Như hỷ giác chi và chánh kiến, hỷ giác chi với chánh giác, chánh giác đối và chánh kiến, cũng nói giống như thế.

Thế nào là chánh kiến thế tục? Thế nào là chánh trí thế tục?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Luận trước là căn bản cho việc soạn luận này. Luận trước

đã nói: thế nào là kiến? Thế nào là Trí? Thế nào là tuệ? Mà không nói: Thế nào là chánh kiến thế tục? Thế nào là chánh trí thế tục?

Do luận trước là phần căn bản để tạo nên luận này. Nay vì muốn phân biệt rộng nên soạn luận này.

Lại có người nói: Sở dĩ soạn luận này vì hoặc có người nói: Tuệ thiện tương ứng với ý thức không hoàn toàn là tánh của kiến, như Phái Thí dụ giả nói. Thuyết đó là gì? Đó là kế năm thức sinh tâm con người có thể khởi nghiệp thân, miệng, khi chết!

Hỏi: Vì sao thuyết kia nói kế năm thức sinh chẳng phải tánh kiến? Như năm thức không thể phân biệt được tính cách sinh theo thứ lớp kia, ý thức cũng không thể phân biệt, làm sao có thể khởi nghiệp thân, miệng chẳng phải tánh kiến?

Đáp: Vì hành của kiến ở bên trong, hành của thân, miệng là ở bên ngoài.

Vì sao tâm lúc chết chẳng phải kiến?

Đáp: Do kiến có thế lực, còn tuệ kia, yếu kém.

Hỏi: Phái Thí dụ giả đã nói như thế, vậy làm sao hiểu được Kinh Phật? Như nói: Lúc người sắp chết, pháp tâm, tâm sở thiện đi chung với chánh kiến?

Đáp: Người kia nói rằng: Phật nói: Khi người chết, tâm nối tiếp nhau trước kia chứ chẳng phải tâm lúc chết.

Vì ngăn dứt ý của người nói như thế, cũng nói ý là hết thấy tuệ thiện hữu lậu tương ứng với ý thức, đều là tánh của kiến nên soạn luận này!

Thế nào là chánh kiến thế tục?

Đáp: Là tuệ thiện hữu lậu tương ứng với ý thức. Thế là thế nào? Nghĩa là tương ứng với giác bất tịnh, niệm An-na-ban-na, niệm xứ, tương ứng với pháp Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất, tương ứng với thiền Vô lượng, giải thoát, thắng xứ, Nhất thiết xứ. Chánh kiến thế tục, đa số như đối với nước bốn biển, trong đây, nói sơ lược về phần thô!

Thế nào là chánh trí thế tục?

Đáp: Tuệ thiện hữu lậu tương ứng với ý thức.

Nói thế là thế nào?

Đáp: Tương ứng Giác bất tịnh, cho đến chánh trí thế tục, thường như đối với nước bốn biển lớn. Và năm thức tương ứng với tuệ thiện. Nói như thế là sao? Nhãn thức thiện tương ứng, cho đến tương ứng thân thức thiện. Nhãn thức thiện tương ứng với tuệ. Điều này là thế nào?

Đáp: Như thấy cha mẹ, Phật, Bích-chi Phật, Thanh văn và những

chỗ tôn trọng thì sinh khởi tuệ tương ứng với nhãn thức thiện, nhĩ thức thiện. Việc này thế nào?

Đáp: Như nghe lời nói của Phật, lời nói của cha mẹ, lời nói ở những chỗ tôn trọng thì sinh khởi nhĩ thức thiện! Ba thức thiện khác, người thường chẳng thể khởi được, chỉ trừ người tu hành, quán đoàn thực, là có khả năng khởi ba thức thiện.

Đã nói thể tánh, nay sẽ nói về sự giống nhau khác nhau.

Nếu là chánh kiến thế tục, cũng là chánh trí thế tục chăng?

Đáp: Nếu là chánh kiến thế tục, thì cũng là chánh trí thế tục.

Có khi nào chánh trí thế tục, chẳng phải chánh kiến thế tục hay không?

Đáp: Có! Đó là năm thức tương ứng với tuệ thiện.

Chánh kiến thế tục gồm nhiếp chánh trí thế tục, hay chánh trí thế tục gồm nhiếp chánh kiến thế tục?

Đáp: Chánh trí thế tục gồm nhiếp chánh kiến thế tục, chẳng phải chánh kiến thế tục gồm nhiếp chánh trí thế tục. Không gồm nhiếp những gì? Đó là năm thức tương ứng tuệ thiện.

Nếu thành tựu chánh kiến thế tục, thì có thành tựu chánh trí thế tục phải chăng?

Đáp: Đúng vậy!

Nếu thành tựu chánh trí thế tục, thì có thành tựu chánh kiến thế tục phải chăng?

Đáp: Đúng vậy!

Ai là người thành tựu chánh kiến thế tục, chánh trí thế tục?

Đáp: Người không dứt căn thiện. Nói chung, là những người không dứt căn thiện nhưng có nhiều ít.

Hoặc có người chỉ thành tựu trí thiện kiến cõi Dục, hoặc có người chỉ thành tựu cõi Sắc. Hoặc có người chỉ thành tựu cõi Vô sắc. Hoặc có người thành tựu cõi Dục, cõi Sắc. Hoặc có người thành tựu cõi Sắc, cõi Vô sắc. Hoặc có người thành tựu kiến, Trí cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Do việc này, nên nói chung là người không dứt căn thiện, nhưng có ít, nhiều.

Hỏi: Nếu dứt chánh kiến của thế tục, thì cũng dứt chánh trí của thế tục phải không?

Đáp: Đúng vậy!

Nếu dứt chánh trí của thế tục, thì cũng dứt chánh kiến của thế tục phải không?

Đáp: Đúng vậy!

Ai dứt chánh kiến, chánh trí thế tục?

Đáp: A-la-hán. Nói chung là A-la-hán. Người khác thì có ít nhiều. Nếu lìa dục của Vô sở hữu xứ, dứt chánh kiến, chánh trí của tám địa, cho đến lìa dục cõi Dục, chưa lìa dục Sơ thiên, dứt chánh trí, chánh kiến của một địa. Cho nên, tóm lại là nói A-la-hán, người khác thì có ít, nhiều!

Hỏi: Vì sao gọi là thế tục? Vì hủy hoại nên nói là thế tục, hay đó là chỗ đặt chân của tham nên nói là thế tục? Nếu do hủy hoại mà nói là thế tục, thì đạo vô lậu cũng hủy hoại, lẽ ra là thế tục? Nếu do đó là chỗ đặt chân của tham mà nói là thế tục, giận dữ, si mê cũng là chỗ đặt chân?

Đáp: Nên nói rằng: Do hủy hoại, nên nói là thế tục.

Hỏi: Nếu vậy thì đạo vô lậu cũng hủy hoại, vậy cũng là thế tục hay sao?

Đáp: Nếu sự hủy hoại tăng trưởng đối với hữu. Đạo vô lậu tuy có bị hủy hoại nhưng không tăng trưởng, đối với hữu chỉ khiến hữu tổn bớt!

Lại nữa, sự hủy hoại có thể làm cho Hữu nối tiếp nhau, sinh già bệnh chết nối tiếp nhau. Đạo vô lậu tuy bị hủy hoại, nhưng có thể dứt trừ Hữu, không khiến cho sinh già bệnh chết nối tiếp nhau.

Lại nữa, nếu sự hủy hoại là “đạo tích” của khổ, tập, là đạo tích của sinh già bệnh chết. Đạo vô lậu dù bị hủy hoại nhưng là diệt đạo tích của khổ, tập, diệt, đạo tích của sinh già bệnh chết.

Lại nữa, nếu sự hủy hoại là thân kiến, là xứ thuộc về chỗ duyên của ái sử, là chỗ đặt chân của tham giận si, là xứ có những cấu uế, độc hại, lỗi lầm cặn bã lẫn lộn gắn liền trong tánh của khổ, tập, đó là thế tục. Thánh đạo, trái với điều đó nên không gọi là thế tục.

Lại nữa, có người nói: Là chỗ đặt chân của tham nên nói là thế tục.

Hỏi: Nếu vậy thì cũng là chỗ đặt chân của các thứ giận dữ, si mê?

Đáp: Nếu nói là chỗ đặt chân của tham, thì cũng là chỗ đặt chân của giận, si.

Hỏi: Nếu thế tục là sự hủy hoại chẳng?

Đáp: Có khi thế tục chẳng phải hủy hoại, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Là thế tục chẳng phải hủy hoại: Là hai lậu quá khứ, vị lai.
2. Là hủy hoại, chẳng phải thế tục: Là đạo đế hiện tại.

3. Là hủy hoại, cũng là thế tục: Là hai lậu hiện tại.

4. Chẳng phải hủy hoại, cũng chẳng phải thế tục: Tất cả pháp vô vi của đạo để quá khứ, vị lai.

Kinh nói: Trưởng già Thức-Mật-Đề đến chỗ Phật, bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Nói người thế tục là sao?

Phật bảo Thức-Mật-Đề: Vì hủy hoại, nên nói là thế tục.

Lại hỏi: Những gì là hủy hoại?

Phật bảo Thức Mật Đề: Nhãn nhập là hủy hoại, cho đến ý nhập là hủy hoại.

Hỏi: Đức Thế tôn vì sao nói nhập là thế tục?

Đáp: Vì người được Phật hóa độ. Người được Phật hóa độ nên nghe nhập là thế tục, bèn được hiểu biết giác ngộ, nên Phật nói nhập là thế tục.

Hỏi: Hủy và hoại có gì khác nhau?

Đáp: Hủy là vô thường của khoảng sát-na. Hoại là vô thường lúc thân hoại.

Lại nữa, hủy là vô thường tế, hoại là vô thường thô.

Lại nữa, hủy là vô thường của pháp bên trong, hoại là vô thường của pháp bên ngoài.

Lại nữa, hủy là pháp số của chúng sinh, hoại là pháp số phi chúng sinh.

Thế nào là kiến vô lậu? Thế nào là trí vô lậu?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Luận trước là căn bản để soạn luận này. Luận trước đã nói: Thế nào là kiến? Thế nào là Trí? Thế nào là tuệ? Nhưng không nói rõ: Thế nào là kiến vô lậu? Thế nào Trí vô lậu?

Vì muốn phân biệt rộng, nên soạn luận này.

Lại nữa, vì muốn nói về pháp đối trị gần, nên trước nói: Thế nào chánh kiến thế tục? Thế nào chánh trí thế tục? Pháp nào là đối trị gần của thế tục đó? Đó là kiến, Trí vô lậu! Nên soạn luận này.

Thế nào là kiến vô lậu?

Đáp: Là tuệ vô lậu khác không thuộc về tận trí, trí vô sinh. Tuệ vô lậu khác là pháp nào? Là tám nhãn trong kiến đạo, tám trí của Hữu học, chánh kiến của Vô học.

Thế nào là trí vô lậu?

Đáp: Là tuệ vô lậu khác, trừ các nhãn trong kiến đạo. Tuệ vô lậu khác đó là pháp nào? Là tám trí của Hữu học, Vô học.

Đã nói thể tánh của kiến trí, nay sẽ nói về sự giống nhau và khác

nhau của kiến, trí:

Các kiến vô lậu là Trí vô lậu chăng?

Đáp: Hoặc là kiến vô lậu chẳng phải trí vô lậu, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Là kiến vô lậu, chẳng phải trí vô lậu: Là các nhãn trong kiến đạo. Vì sao? Vì các nhãn kia có tướng của kiến, vô tướng của trí.

2. Là trí vô lậu, chẳng phải kiến vô lậu: Là tận trí, trí vô sinh. Vì sao? Vì trí kia có tướng của trí, vô tướng của kiến.

3. Là kiến vô lậu, cũng là Trí vô lậu: Trừ các nhãn trong kiến đạo, là tận trí, trí vô sinh, tuệ vô lậu khác.

Kiến, Trí kia là gì? Là tám trí của Hữu học, chánh kiến của Vô học. Vì sao? Vì kiến, trí kia là tướng của kiến, cũng là tướng của trí.

4. Chẳng phải là kiến vô lậu, cũng chẳng phải trí vô lậu: Trừ ngần ấy việc trên.

Nếu pháp đã lập, danh đã nêu, đã nói thì trừ đi. Ngoài ra, đối với pháp khác chưa lập, danh chưa xưng, chưa nói tạo ra trường hợp thứ tư. Pháp đó là gì? Là hành ấm, tạo ra bốn trường hợp này. Tất cả tuệ vô lậu tạo ra ba trường hợp. Có tướng của kiến, tướng của Trí, nghĩa là pháp khác có hành ấm, bốn ấm tương ứng, bất tương ứng và pháp vô vi tạo ra trường hợp thứ tư. Đó gọi là trừ ngần ấy việc trên. Sự gồm nhiếp cũng giống như thế.

Nếu thành tựu kiến vô lậu, thì có thành tựu Trí vô lậu phải chăng?

Đáp: Nếu thành tựu Trí vô lậu, cũng thành tựu kiến vô lậu.

Có khi nào thành tựu kiến vô lậu, mà chẳng phải Trí vô lậu chăng?

Đáp: Có, khi trụ trong khổ pháp nhãn.

Hỏi: Về lý, nhất định câu hỏi là gồm nhiếp thành tựu chứ không nói về dứt.

Hỏi: Vì sao không nói dứt?

Đáp: Nếu nói mà đối với văn không rườm rà thì nói. Tôn giả Ca-chiên-diên-tử kia, cho đến một sát-na cũng không xả để tạo ra văn phân biệt. Nếu chỗ đã nói đối với văn thêm rườm: Như nước bốn biển, văn nghĩa đều nói sơ lược.

Lại nữa, do cấu uế nên phải dứt trừ. Pháp vô lậu không có cấu uế, nên không dứt.

Hỏi: Nếu pháp vô lậu không dứt, thì kinh Phật nói làm sao hiểu được? Như nói: Tỳ-kheo! Nếu các thầy đã hiểu pháp dụ về chiếc bè, thì

pháp còn nên dứt huống chi chẳng phải pháp!

Đáp: Dứt có hai thứ:

1. Dứt trừ ái.
2. Dứt trừ xả.

Trong đây nói về xả dứt trừ xả. Pháp vô lậu dù không có dứt trừ ái mà vẫn có xả dứt. Vì có xả dứt nên nói: Các Tỳ-kheo! Xả bỏ Thánh đạo đã dứt hết lậu. Vì nhớ ơn, nên thường khởi Thánh đạo hiện ở trước, chịu khổ của các thứ thân, đó là khổ như nhức đầu v.v... Cho nên Đức Phật nói rằng: Tỳ-kheo nên biết, việc nên làm của Thánh đạo, ta đều đã làm xong, lẽ ra phải bỏ đạo này để vào Niết-bàn. Như người nường vào chiếc bè để sang sông, vì nhớ ơn nên đầu đội vai mang chiếc bè. Người khác bảo: nầy em trai! Việc chiếc bè nên làm đều đã làm xong. Nay em nên bỏ, tùy ý mà đi! Việc bỏ đạo vào Niết-bàn kia cũng giống như thế.

Thế nào là pháp? Thế nào là phi pháp?

Đáp: lời nói của nội đạo là pháp, lời nói của ngoại đạo là phi pháp. Pháp của nội đạo thuận theo nơi không, thuận theo vô ngã, thuận theo Niết-bàn. Pháp còn nên bỏ, huống chi là lời nói của ngoại đạo, khiến cho Hữu nối tiếp nhau, làm cho sinh, già, bệnh, chết tiếp nối nhau.

Lại nữa, khéo thọ trì danh, cú, vị, thân là Pháp, không khéo thọ trì là phi pháp. Khéo thọ trì danh, cú, vị, thân còn bỏ, huống chi không khéo thọ trì danh, cú, vị, thân?

Tôn giả Cù-sa nói: Khéo thọ trì kinh A-hàm, gọi là pháp, không khéo thọ trì gọi là phi pháp. Do tăng trưởng sinh tử nên phải bỏ, huống chi là phi pháp.

Tôn giả Ba-xa nói: Chánh quán là pháp, không chánh quán là phi pháp. Pháp của chánh quán hãy còn nên bỏ, huống chi là pháp không chánh quán!

Lại nữa, hổ thẹn là pháp, không biết hổ thẹn là phi pháp. Ba căn thiện là pháp, ba căn bất thiện là phi pháp. Bốn niệm xứ là pháp, bốn điên đảo là phi pháp. Năm căn là pháp, năm cái là phi pháp. Sáu niệm là pháp, sáu ái thân là phi pháp. Bảy giác chi là pháp, bảy sử là phi pháp. Tám đạo chi là pháp, tám tà chi là phi pháp. Chín định thứ lớp là pháp, chín kiết là phi pháp. Mười nghiệp đạo thiện là pháp, mười nghiệp đạo bất thiện là phi pháp.

Các pháp như thế hãy còn nên dứt trừ huống chi là phi pháp.

Chương 3: **KIÊN-ĐỘ TRÍ**

Phẩm 2: THA TÂM TRÍ, Phần 1:

Thế nào là tha nhân tâm trí? Thế nào là Trí nhớ lại đời trước? Chương này và việc giải nghĩa chương, ở đây nên nói rộng Ưu-ba-đề-xá.

Hỏi: Tôn giả Ca-chiên-diên-tử vì sao đã dựa vào hai trí để soạn luận này?

Đáp: Tôn giả kia đã có ý muốn như thế, tùy ý muốn của mình mà soạn luận, nhưng cũng không trái với pháp tướng. Ý muốn của Tôn giả là nhân nơi hai trí để soạn luận, tức luận về hai trí, là trí tha tâm, trí nhớ lại đời trước, vì có ý muốn luận về hai trí này. Chỗ khác cũng nhân nơi hai trí ấy để soạn luận, như luận về pháp trí, tử trí trong Kiền-độ Căn. Chỗ khác cũng nhân nơi hai trí này mà soạn luận, như trong Kiền-độ Định đã luận về tận trí, trí vô sinh. Ở chỗ khác cũng với ý muốn luận về bốn trí, tức cũng nhân nơi bốn trí để soạn luận, như Kiền-độ Căn, luận về Trí Khổ, tập, diệt, đạo. Như nói: Nếu khổ trí là trí vô lậu khổ? Cho đến nếu đạo trí là trí vô lậu đạo?

Chỗ khác, với ý muốn nói về tám trí, tức nhân nơi tám trí để soạn luận, như trong Kiền-độ Sử, Kiền-độ Định, Kiền-độ Trí đã nói. Ở chỗ khác, ý muốn nói về mười trí, tức nhân nơi mười trí để soạn luận. Như nói: Nhân căn dùng bao nhiêu trí để biết? Cũng như thợ gốm khéo léo, trước hết trộn đất sét cho thật dẻo rồi đặt yên trên bánh xe, sau đó, tùy ý muốn của mình, tạo ra các thứ đồ dùng. Tôn giả kia cũng vậy! Dùng tuệ, văn, tư để quán sát pháp tướng, dứt trừ phần ngu trong duyên, tùy ý muốn của mình, để soạn luận không trái với pháp tướng.

Lại nữa, hai trí này do lìa dục được, do phương tiện được, thể là tu tuệ, cũng là thể của thân thông, là quả của bốn chi, năm chi thiền.

Lại nữa, thể của hai trí này là tánh trí, tánh kiến.

Lại nữa, hai trí này duyên với một đời. Tha tâm trí duyên với đời hiện tại. Trí nhớ lại về đời trước duyên với đời quá khứ. Hoặc nói rằng: Trí nhớ lại đời trước là hữu lậu, vô lậu thì nên nói: Do hai trí này là hữu lậu, vô lậu.

Thế nào là tha tâm trí?

Đáp: Nếu trí là tu, là quả của tu, từ tu sinh, được không mất. Là tu: thể là tu. Là quả của tu, nghĩa là quả của bốn chi, năm chi thiền. Từ tu sinh, nghĩa là tu tập. Được không mất: Là được rồi không xả.

Hỏi: Vì sao không nói “đã được”, “sẽ được” mà chỉ nói nay được?

Đáp: Lẽ ra nói mà không nói, nên biết là thuyết này chưa trọn vẹn.

Lại nữa, nếu được trí này, gọi là người được đạo, gọi là người biết tâm người khác, điều được nói trong đây chẳng phải “Đã được”, “Sẽ được” vì mất. Do trí này biết “Đối tượng giác”, “Đối tượng quán”, “Sở hành” của tâm người khác. Đối tượng giác là Sơ thiên cõi Dục. Đối tượng quán: Là thiên trung gian. Sở hành: Là ba thiên trên.

Lại có người nói: Đối tượng giác là Sơ thiên cõi Dục. Đối tượng quán là từ cõi Dục cho đến Trung gian thiên. Sở hành là từ cõi Dục cho đến đệ Tứ thiên.

Hỏi: Giác, quán tâm người khác, khi duyên với sắc, thì tha tâm trí cũng biết được sắc của sở duyên của tâm người khác chăng?

Đáp: Theo văn kinh của pháp sư nước ngoài nói rằng: Nếu trí nhận biết được pháp tâm, tâm sở và tâm vô lậu của người khác hiện tiền ở cõi Dục, cõi Sắc thì đó là tha tâm trí.

Hỏi: Vì sao Sa-môn nước Kế-tân không nói như thế? Lẽ ra cũng phải nói như thế, nhưng không nói là có ý gì?

Đáp: Nói đối tượng giác, đối tượng quán, sở hành, là nói về thể của các thiên kia, không nói tâm pháp tâm sở của xứ nơi sở duyên. Phải biết đúng như thật. Tâm: Là tâm số. Pháp: Là số pháp. Nên biết đúng như thật: Là nói nhận biết cảnh giới, nên nói là một. Trí biết tâm người khác, là trí, thông biết tâm, của người khác, nên nói là hai. Nghĩa là biết hữu lậu, vô lậu, ràng buộc, giải thoát, lệ thuộc, không lệ thuộc. Nên nói ba, nghĩa là thượng, trung, hạ. Nên nói bốn, nghĩa là quả của bốn thiên. Nên nói sáu: là phẩm thượng, trung, hạ hữu lậu. Phẩm thượng trung hạ của vô lậu. Nên nói tám là hữu lậu, vô lậu của bốn thiên. Lẽ ra nói chín là phẩm hạ hạ, cho đến phẩm thượng thượng. Nên nói mười hai, đó là trong bốn thiên, mỗi thiên đều có ba thứ, là thượng, trung, hạ. Nên nói mười tám là hữu lậu có chín thứ, vô lậu có chín thứ. Nên nói hai mươi bốn, là Sơ thiên hữu lậu có ba, vô lậu có ba, cho đến đệ Tứ thiên cũng vậy.

Nên nói ba mươi sáu: Sơ thiên có chín thứ, cho đến đệ Tứ thiên có chín thứ. Nên nói bảy mươi hai: hữu lậu của Sơ thiên có chín, vô lậu có chín thứ, cho đến đệ Tứ thiên cũng vậy. Nếu do ở thân, nếu do ở sát-na thì có Vô lượng, vô biên tha tâm trí.

Trong đây là nói chung một thứ tha tâm trí để soạn luận.

Hỏi: Thể của tha tâm trí là gì?

Đáp: Thể là tuệ, đã nói thể tánh của tha tâm trí. Về lý do nay sẽ

nói:

Vì sao gọi là tha tâm trí?

Đáp: Vì biết tâm người, nên gọi là tha tâm trí.

Hỏi: Cũng biết số pháp, vì sao chỉ gọi là biết tâm người?

Đáp: Vì tâm trông mong. Tâm trông mong của người tu hành, siêng năng tu phương tiện, nên muốn biết tâm người khác, không trông mong ở số pháp, cũng biết số pháp, nên gọi là trí biết tâm người khác. Như người mong thấy được vua, không mong thấy quyền thuộc vua. Nhưng khi đã thấy vua rồi thì cũng thấy quyền thuộc. Ý muốn biết tâm người của người tu hành kia cũng giống như thế.

Lại nữa, các pháp đều được đặt tên, mỗi pháp đều có lý do của nó: Hoặc do tự thể, hoặc do đối trị, hoặc do phương tiện, hoặc do tương ưng, hoặc do chỗ nương dựa, hoặc do chỗ hành, hoặc do chỗ duyên, hoặc do hành, do duyên. Do tự thể: Như các trí của năm ấm, bốn đế. Phần còn lại giải thích nói rộng như trên.

Về giới: hữu lậu là lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô lậu là không lệ thuộc.

Hỏi: Vì sao cõi Vô sắc không có tha tâm trí?

Đáp: Vì cõi Vô sắc chẳng phải nhân của tha tâm trí, cho đến nói rộng.

Lại nữa, vì tha tâm trí nhân nơi sắc nên sinh, cõi Vô sắc thì không có sắc.

Về địa: Là địa của bốn thiên căn bản, không ở các bên của địa Vô sắc.

Hỏi: Vì sao trong các bên không có tha tâm trí?

Đáp: Đây là thần thông! Nếu có tam-muội, có thể sinh quả thần thông, tức có trí này, vì trong các bên không có định ấy.

Hỏi: Tâm của thiên trung gian dùng sự nhận biết nào để biết tha tâm trí?

Đáp: Hoặc có người nói: Do người của địa Sơ thiên biết được.

Lại có người nói: Do người của địa Nhị thiên biết được.

Lời bình: Nên nói rằng: Do người của địa Sơ thiên biết được. Vì sao? Vì là pháp của một địa.

Về chỗ nương dựa: Là dựa vào cõi Dục, cõi Sắc.

Về thân hành, nghĩa là người vô lậu thực hành bốn hành như đạo v.v... Người hữu lậu không hành duyên hành.

Về duyên, người địa Sơ thiên duyên với Sơ thiên, cõi Dục. Người địa Nhị thiên duyên với cõi Dục cho đến đệ Nhị thiên. Người địa đệ

Tam thiền duyên với cõi Dục, cho đến đệ Tam thiền. Người địa đệ Tứ thiền duyên với cõi Dục cho đến đệ Tứ thiền. Tha tâm trí không biết cõi Vô sắc.

Hỏi: Vì sao tha tâm trí không biết cõi Vô sắc?

Đáp: Tha tâm trí không biết được pháp của địa trên. Tha tâm trí của Sơ thiền không biết được tâm của đệ Nhị thiền, cho đến tha tâm trí của đệ Tam thiền không biết được tâm của đệ Tứ thiền.

Hỏi: Sinh cõi Dục, cõi Sắc, khởi định Vô sắc hiện ở trước. Tha tâm trí có thể biết được pháp tâm, tâm sở của định Vô sắc kia không?

Đáp: Không biết. Vì sao? Vì lúc ở quả đã không biết thì khi ở nhân cũng vậy!

Về niệm xứ: Là ba niệm xứ, trừ thân niệm xứ.

Về trí: Là bốn trí, là pháp trí, tỷ trí, đạo trí, đẳng trí.

Về tam-muội: Người vô lậu tương ứng với đạo vô nguyên. Người hữu lậu thì không tương ứng.

Về căn: Điều tương ứng chung với ba căn, là lạc, hỷ, xả căn.

Đời là ba đời.

Duyên với ba đời, là quá khứ duyên quá khứ, hiện tại duyên hiện tại, vị lai bất sinh, duyên với ba đời, tất sinh: duyên với vị lai.

Thiện, bất thiện, vô ký: Là thiện.

Duyên nơi thiện, bất thiện, vô ký là: Duyên với ba thứ.

Lệ thuộc ba cõi và không lệ thuộc: Hữu lậu thì lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô lậu thì không lệ thuộc.

Duyên với lệ thuộc ba cõi và không lệ thuộc: Là duyên cõi Dục, cõi Sắc và không lệ thuộc.

Là Học, Vô học, Phi học Phi Vô học: Là ba thứ.

Duyên với Học, Vô học, Phi học Phi Vô học: Duyên cả ba thứ.

Do kiến đạo dứt, tu đạo dứt, không dứt: Hữu lậu là do tu đạo dứt, vô lậu là không dứt.

Duyên kiến đạo, tu đạo, không dứt: Điều duyên cả ba thứ.

Duyên danh, duyên nghĩa: Là duyên nghĩa. Duyên nơi thân mình, thân người và chẳng phải thân, là duyên với thân người.

Là phương tiện đắc, ly dục đắc: Là phương tiện đắc cũng là ly dục đắc. Người Sơ thiền do lìa dục cõi Dục đắc, cho đến người đệ Tứ thiền do lìa dục của ba thiền đắc.

Về phương tiện: Dùng phương tiện hiện ở trước. Phật không dùng phương tiện hiện ở trước. Bích-chi Phật dùng phương tiện phẩm hạ, Thanh văn đôi khi dùng phương tiện phẩm trung, hoặc dùng phương tiện

phẩm thượng.

Hỏi: Phương tiện của tha tâm trí là sao?

Đáp: Như Luận Thi Thiết nói: Đầu tiên, hành giả nhận lấy tướng của thân mình, nếu thân có sắc như thế, thì sẽ có tâm như thế. Nếu đã có tâm như thế, thì thân sẽ có sắc như thế. Đã nhận lấy tướng của thân mình rồi, cũng nhận lấy tướng của thân người. Nếu thân người khác có sắc như thế, đương nhiên sẽ có tâm như thế. Nếu đã có tâm như thế, thì thân sẽ có sắc như thế.

Nhận lấy tướng như thế rồi, nghĩ rằng như vậy: Nay chúng sinh này do quán nào? Đối tượng phân biệt nào? Lúc nghĩ như thế rồi, nhận biết như thật là chúng sinh này nghĩ rằng như thế, phân biệt như thế. Đó gọi là tha tâm trí. Kinh Mãn Tức Tập Pháp cũng nói: Phương tiện của tha tâm trí là thế nào?

Đáp: Quán năm thủ ấm là khổ, không, vô thường, vô ngã. Quán trí vô lậu như vậy.

Hỏi: Tha tâm trí duyên với trí bốn đế, vì sao chỉ nói duyên với khổ trí?

Đáp: Lẽ ra phải nói là đều duyên mà không nói, nên biết là thuyết này chưa trọn vẹn.

Lại nữa, thuyết này đầu tiên khởi phương tiện nhập pháp. Nếu nói duyên với khổ trí, nên biết cũng nói duyên với trí khác.

Hỏi: Phương tiện trước và phương tiện sau, có gì khác nhau?

Đáp: Phương tiện đã nói ở trước dẫn đến hữu lậu, vô lậu, phương tiện nói sau này, hoàn toàn là vô lậu.

Lại nữa, phương tiện sau tốt đẹp, vượt hơn phương tiện trước.

Hỏi: Nếu mắt không thấy sắc có thể biết được tâm người khác hay không?

Đáp: biết được. Vì tai nghe được tiếng nói của người đó.

Nếu mắt không thấy sắc, tai không nghe tiếng thì có thể biết được tâm người khác hay không?

Đáp: Biết, vì dùng mũi để ngửi mùi của người ấy.

Nếu mắt, tai, mũi không thấy sắc, nghe tiếng, ngửi mùi, thì có thể biết được tâm người khác hay không?

Đáp: Biết, vì dùng lưỡi nếm vị. Nếu không thấy sắc, nghe tiếng, ngửi mùi hương, nếm biết vị, thì có thể biết được tâm người khác hay không?

Đáp: Biết được, vì dùng thân xúc chạm.

Nếu mắt không thấy sắc, cho đến thân không xúc chạm, thì có thể

biết được tâm người khác hay không?

Đáp: Hoặc có người nói: Không biết. Vì sao? Vì tha tâm trí nhân nơi sắc.

Lời bình: Nên nói rằng: Lúc sử dụng phương tiện thì không biết, nhưng đầy đủ thì biết.

Hỏi: Vì sao tha tâm trí lúc sử dụng phương tiện lại nhân nơi sắc sinh?

Đáp: Vì nhân thô được nhập tế, nên tha tâm trí khi dùng phương tiện thì duyên với chính mình, lúc đầy đủ thì vô duyên với chính mình.

Hỏi: Vì sao lúc sử dụng phương tiện, tha tâm trí duyên với chính mình, lúc đầy đủ thì vô duyên chính mình?

Đáp: Vì tha tâm trí vô duyên sở duyên, sở hành của tâm của người khác. Nếu tha tâm trí duyên với sở duyên, sở hành của tâm người khác, thì cũng có thể gọi là tự tâm trí.

Vốn đã từng được mười lăm thứ pháp tâm, tâm sở hữu lậu: Cõi Dục có ba thứ, là thượng, trung, hạ, cho đến đệ Tứ thiên cũng có ba thứ. Tha tâm trí hữu lậu phẩm hạ của địa Sơ thiên biết ba thứ pháp tâm, tâm sở cõi Dục, và biết pháp tâm, tâm sở hữu lậu phẩm hạ của Sơ thiên. Phẩm trung: Biết ba thứ tâm cõi Dục, biết hai thứ phẩm trung, hạ của Sơ thiên. Phẩm thượng: Biết ba thứ cõi Dục, ba thứ của Sơ thiên. Như Sơ thiên cho đến đệ Tứ thiên. Phẩm thượng: Biết mười lăm thứ, như vốn đã từng khởi tâm hữu lậu, có mười lăm thứ. Chưa từng được tâm hữu lậu cũng có mười lăm thứ. Tâm vô lậu có mười hai thứ. Địa Sơ thiên có ba thứ là thượng, trung, hạ, cho đến đệ Tứ thiên cũng vậy.

Tâm vô lậu phẩm hạ của địa đệ Nhị thiên biết tâm vô lậu phẩm hạ của địa Sơ thiên, cũng biết phẩm hạ của Nhị thiên. Đệ Nhị thiên, phẩm trung, biết hai thứ trung, hạ của Sơ thiên, đệ Nhị thiên. Phẩm thượng: Biết ba thứ thượng, trung, hạ của Sơ thiên, Nhị thiên. Biết đệ Nhị thiên, cho đến đệ Tứ thiên. Phẩm thượng: Biết mười hai thứ pháp tâm, tâm sở vô lậu.

Hỏi: Vì sao tha tâm trí hữu lậu phẩm hạ, biết ba thứ địa dưới và người phẩm hạ của địa mình? tha tâm trí phẩm hạ vô lậu, biết pháp tâm, tâm sở phẩm hạ, của địa phẩm hạ và người phẩm hạ của địa mình, chẳng phải trung, thượng?

Đáp: Tâm, pháp tâm sở hữu lậu khác, pháp tâm, tâm sở vô lậu khác. Trong một thân có thể có ba thứ pháp tâm, tâm sở hữu lậu, pháp tâm, tâm sở vô lậu. Do căn nên khác nhau. Nếu là căn tánh phẩm hạ, sẽ không có căn tánh phẩm trung, thượng, cho đến nếu là căn tánh phẩm

thượng, thì không có căn phẩm trung, hạ.

Tha tâm trí không biết thắng địa, thắng căn, tâm người thù thắng! Thắng địa là tha tâm trí của địa Sơ thiên. Không biết pháp tâm, tâm sở của địa đệ Nhị thiên, cho đến địa đệ Tam thiên không biết pháp tâm, tâm sở của địa đệ Tứ thiên.

Thắng căn là tha tâm trí của căn tánh phẩm hạ, không biết pháp tâm, tâm sở của căn bậc trung, thượng.

Người thù thắng là tha tâm trí của người Hữu học, không biết pháp tâm, tâm sở của người Vô học.

Hỏi: Tha tâm trí của tất cả người Vô học, đều biết được pháp tâm, tâm sở của người Hữu học chăng?

Đáp: Không biết! Thời giải thoát không biết tâm Kiến đạo. Kiến đạo không biết tâm của Thời giải thoát. Vì sao? Vì Kiến đạo đối với Thời giải thoát thì căn vượt hơn. Thời giải thoát đối với người Kiến đạo thì hơn.

Hỏi: Người Hữu học khởi tâm đệ Nhị thiên hiện ở trước. Người Vô học khởi tâm Sơ thiên hiện ở trước, là xoay vần nhận biết nhau chăng?

Đáp: Không biết! Vì sao? Vì người Vô học đối với người học thì vượt hơn. Người Hữu học đối với người Vô học thì vượt hơn về địa.

Thanh văn khởi pháp tâm, tâm sở của đệ Nhị thiên hiện ở trước. Đức Phật khởi pháp tâm, tâm sở của Sơ thiên hiện ở trước, có xoay vần biết nhau không?

Đáp: Không biết. Vì sao? Vì Phật đối với Thanh văn thì hơn về căn. Thanh văn đối với Phật thì hơn về địa.

Cõi Dục có bốn thứ tâm biến hóa, là quả của Sơ thiên, cho đến quả của đệ Tứ thiên.

Tha tâm trí của địa Sơ thiên có biết bốn thứ tâm này không?

Đáp: Hoặc có người nói: Biết. Vì sao? Vì đều là tâm cõi Dục.

Lại có người nói: Chỉ biết quả Sơ thiên, quả khác thì không biết. Vì sao? Vì đã không biết nhân, thì quả cũng không biết!

Tất cả tâm vô lậu của Phật và tâm hữu lậu không hề được không có tha tâm trí, vẫn có thể biết. Với tâm hữu lậu đã từng được, Phật muốn cho người khác biết, thì biết. Nếu Phật muốn cho người căn cơ chậm lụt biết, người có căn cơ nhạy bén không biết, thì người căn cơ chậm lụt được biết, người căn cơ nhạy bén không biết. Đức Phật muốn khiến Tát-Ba-Đạt biết, Xá-lợi-phất không biết, thì Tát-Ba-Đạt biết, Xá-lợi-phất không biết. Muốn cho súc sinh được biết, con người không biết, thì súc sinh biết, con người không biết. Làm sao biết được điều đó?

Có kinh nói: Đức Phật trú tại Tinh xá Căng-Ca, thuộc thành Na-Đề-Ca-Dạ. Có rất nhiều Tỳ-kheo đều để bát ở ngoài trời và bát của Đức Thế tôn để ở ngoài trời. Bấy giờ, có một con khỉ từ trên cây Sa-la nhảy xuống, đến chỗ để bát. Các Tỳ-kheo vì sợ nó làm bể bát nên cùng nhau ngăn không cho khỉ tới.

Đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo: Các thầy đừng ngăn cản, vì con khỉ này không làm bể bát của các thầy đâu!

Khi đó, khỉ ôm lấy bát của Đức Thế tôn, rồi chậm rãi trèo trở lên cây, đứng đầy mật, đem dâng lên Đức Thế tôn. Đức Phật không thọ vị mật còn xen lẫn do trùng. Đức Thế tôn liền khởi tâm thế tục: “Muốn được khử trùng”. Khỉ biết được ý Phật, khỉ bèn bưng bát mật đi qua một phía, loại bỏ trùng trong mật, lại đem dâng lên. Đức Thế tôn cũng không nhận, vì chưa được tác tịnh. Đức Thế tôn lại khởi tâm thế tục: “Nếu khỉ này dùng nước “tác tịnh”, thì ta sẽ nhận”. Khỉ biết ngay tâm Phật, liền dùng nước “tác tịnh”, Phật bèn thọ, vì mật kia đã sạch.

Do Đức Thế tôn đã nhận bát mật, nên khỉ cảm thấy vô cùng hoan hỷ, đứng lên chạy nhảy, múa men, rồi rơi xuống hầm mà chết, được sinh làm người, xuất gia trong pháp Phật, chứng được quả A-la-hán, tên là Ma-đầu-bà-tứ-tra.

Do việc này, nên Tôn giả Ba-tỳ-xa đã làm kệ khen ngợi Đức Phật:

*Muốn cho người, trời biết tâm Phật
Tùy niệm của họ, đều hay biết
Nếu nhập các thiền, định sâu mâu
Không có ai, biết được tâm Phật!*

Hỏi: Đức Phật có vì tha tâm trí để biết được tâm Phật không?

Đáp: Hoặc có người nói: Không được! Vì sao? Vì thế gian không có hai vị Phật!

Lại có người nói: Được! Vì có thể duyên, không do khởi hiện ở trước. Bích-chi Phật, như thú Khát-già một sừng xuất thế, chẳng khác gì Phật.

Nếu nói rằng: Rất nhiều các bậc xuất thế đều có tha tâm trí duyên với tâm của Bích-chi Phật, cũng có thể duyên, cũng có thể khởi hiện ở trước. Thanh văn có tha tâm trí biết được tâm của Thanh văn, cũng có thể duyên, cũng có thể khởi hiện ở trước. Tất cả tâm vô lậu của Phật và tâm hữu lậu không hề được, tâm cõi Vô sắc, không có tha tâm trí, nhưng có thể biết được tâm này.

Chúng sinh hoặc có sinh, có diệt. Sinh, nghĩa là chúng sinh sinh

cõi Dục, cõi Sắc và người phạm phu sinh nơi cõi Vô sắc, là sẽ được tha tâm trí phải không?

Đáp: Do hai việc, nên sẽ được:

1. Do có thể duyên.
2. Do hành hiện tiền.

Hỏi: Diệt, nghĩa là bậc Thánh sinh cõi Vô sắc, nếu bậc Thánh này nhập Niết-bàn thì sẽ được tha tâm trí phải không?

Đáp: Sẽ không được.

Lại có người nói: Sẽ được! Vì chủ thể duyên, không do hành hiện tiền!

Lời bình: Không nên nói như thế: Sẽ được, không hành hiện tiền! Thà nói không được, không nên nói được mà không phải hành hiện ở trước.

Có cảnh giới là chỗ biết của tha tâm trí của Phật, chẳng phải chỗ biết của Thanh văn, Bích-chi Phật. Có cảnh giới là chỗ biết nơi tha tâm trí của Phật, Bích-chi Phật, chẳng phải chỗ biết của Thanh văn. Có cảnh giới là nơi chỗ biết của tha tâm trí của Thanh văn, Bích-chi Phật, Phật. Như kinh nói: Tỳ-kheo nên biết! Trong núi Tuyết có chỗ như thế, nơi loài khỉ không thể hành, con người cũng không thể hành. Có chỗ loài khỉ có thể hành, con người thì không thể. Có nơi khỉ có thể hành và con người cũng có thể hành.

Núi Tuyết dụ như cảnh giới, khỉ dụ như Bích-chi Phật, con người dụ như Thanh văn.

Nghĩa như thế, nay sẽ hiển bày rõ.

Kiến đạo có mười lăm tâm. Tha tâm trí biết pháp tương tự. Người hữu lậu biết hữu lậu, người vô lậu biết vô lậu.

Người đã từng được biết đã từng được. Người không hề được biết không hề được.

Người phần pháp trí: Biết phần pháp trí. Người phần tử trí: Biết phần tử trí. Tha tâm trí của người Thanh văn, biết hai tâm trong kiến đạo. Bích-chi Phật biết bốn tâm. Đức Phật biết thứ lớp mỗi tâm. Vì sao? Vì Bích-chi Phật, Thanh văn đều dùng phương tiện hiện ở trước. Phật không dùng phương tiện hiện ở trước. Người tu hành nhập Kiến đạo tạo ra phương tiện. Thanh văn nhập tha tâm trí của phần pháp trí tạo ra phương tiện. Hành giả đã nhập kiến đạo. Thanh văn khởi trí phần pháp, tha tâm trí hiện ở trước, có thể biết hai tâm của hành giả, là khổ pháp nhãn và khổ pháp trí. Hành giả nhập phần tử trí, người Thanh văn vì phần tử trí, tha tâm trí tạo ra phương tiện. Hành giả đã nhập phần tử

trí, người Thanh văn khởi phần tử trí, tha tâm trí hiện ở trước, vì muốn biết khổ tử nhãn mới biết đạo tử trí. Hành giả vì Kiến đạo tạo ra phương tiện. Bích-chi Phật vì phần pháp trí, tha tâm trí mà tạo ra phương tiện. Hành giả đã nhập kiến đạo, Bích-chi Phật khởi phần pháp trí, tha tâm trí hiện ở trước, biết hai tâm của hành giả, là khổ pháp nhãn, khổ pháp trí. Người tu hành nhập Phần tử trí, Bích-chi Phật vì phần tử trí, tha tâm trí tạo ra phương tiện. Hành giả đã nhập phần tử trí, Bích-chi Phật khởi phần tử trí, tha tâm trí hiện ở trước. Vì muốn biết khổ tử nhãn, mới biết diệt tử nhãn, diệt tử trí. Đức Phật không dùng phương tiện, mà tất cả công đức đều hiện ở trước. Như hành giả thì nhất nhất đều theo thứ lớp khởi kiến đạo hiện ở trước, Đức Thế tôn dùng tha tâm trí, mỗi mỗi theo thứ lớp mà biết.

Đức Phật dùng tướng chung để biết về ba thứ đạo, cũng dùng tướng riêng để biết. Bích-chi Phật cũng biết ba thứ đạo: Đối với đạo Thanh văn, Bích-chi Phật, dùng tướng chung, tướng riêng để biết. Đối với Phật đạo, thì dùng tướng chung để biết, không dùng tướng riêng. Thanh văn cũng biết ba thứ đạo. Đối với đạo Thanh văn, dùng tướng chung, tướng riêng để biết. Đối với đạo Bích-chi Phật và Phật, dùng tướng chung để biết, không dùng tướng riêng.

Hỏi: Lúc Thanh văn kiến đạo đế, là đã thấy đạo Phật, đạo Bích-chi Phật hay không? Nếu thấy thì vì sao tha tâm trí không biết? Nếu không thấy thì làm sao được duyên với tín không hư hoại kia?

Đáp: Nên nói là thấy.

Hỏi: Nếu vậy thì tại sao tha tâm trí không biết?

Đáp: Vì trí nhận biết về tướng chung thấy. Tha tâm trí là trí biết về tướng riêng.

Tất cả tha tâm trí của một chúng sinh, biết được pháp tâm, tâm sở của tất cả chúng sinh. Khi biết, là biết thể của sự thọ hay biết các sát-na của thọ? Nếu chỉ biết thể của thọ, các thọ khác sẽ không được nhận biết, thì làm sao biết? Nếu biết các sát-na của thọ thì sao tự thân chẳng phải nhiều thân? Thân mình, nhiều thân, tha tâm trí của ta, với thể của nó có hai mươi một thứ. Biết sự thọ một sát-na của một chúng sinh, như sự thọ một sát-na, sự thọ tất cả sát-na khác cũng vậy. Như sự thọ sát-na, thì sát-na pháp tâm, tâm sở khác cũng thế. Như pháp tâm, tâm sở của một chúng sinh thì pháp tâm, tâm sở của những chúng sinh khác cũng vậy. Tha tâm trí của ta đi chung pháp tâm, tâm sở tức là nhiều. Tất cả chúng sinh, như số nhiều pháp tâm, tâm sở của ta, thì thân, chỗ nương dựa lẽ ra cũng nhiều?

Đáp: Nên nói rằng: Biết thể của thọ.

Hỏi: Nếu vậy thì những đối tượng khác không biết thọ làm sao nhận biết?

Đáp: Nếu biết thọ khác, thì không có việc này! Vì khi biết, chỉ biết về chỗ biết!

Lại có người nói: Biết các sát-na của thọ.

Hỏi: Nếu vậy thì làm sao thân mình chẳng phải đa số?

Đáp: Đa số thì có lỗi gì? Vì sao? Vì như thể nơi tha tâm trí của ta có hai mươi một thứ biết pháp tâm, tâm sở của tất cả chúng sinh. Thể của tha tâm trí nơi tất cả chúng sinh cũng có hai mươi một thứ biết được pháp tâm, tâm sở của ta. Cho nên không có lỗi.

Hỏi: Tha tâm trí là duyên quá khứ, duyên vị lai, hay duyên hiện tại?

Đáp: Duyên hiện tại.

Hỏi: Nếu vậy thì kinh này đã nói làm sao hiểu được? Như nói: Pháp quá khứ, vị lai được chín trí biết?

Đáp: Kinh này nên nói rằng: Pháp quá khứ, vị lai được tám trí biết, trừ diệt trí, tha tâm trí. Mà không nói là có ý gì? Vì tùy duyên mà nói.

Pháp quá khứ, duyên quá khứ, pháp vị lai, duyên vị lai. Nếu như đã nói, tha tâm trí biết ba sát-na, đó là biết sát-na hiện tại, theo thứ lớp trước diệt, theo thứ lớp sẽ sinh. Kinh này nên nói như thế!

Hỏi: Tha tâm trí duyên một pháp hay duyên nhiều pháp? Nếu duyên một pháp thì kinh đã nói, làm sao hiểu được? Như nói: Tâm có dục, biết như thật là tâm có dục. Nếu cùng lúc biết dục, cũng biết tâm há chẳng phải biết nhiều pháp hay sao?

Kinh khác nói làm sao hiểu? Như nói: Ngay lúc Đức Thế Tôn nhớ lại, biết khắp ý nghĩ trong tâm chúng tăng, nếu duyên nhiều pháp thì làm sao thể là ba niệm xứ?

Đáp: Nên nói thế này: Duyên với một pháp.

Hỏi: Nếu vậy làm sao hiểu được kinh Phật? Như nói: Biết đúng như thật tâm có dục?

Đáp: Vì tâm tương ứng với dục, nên gọi là tâm có dục. Nếu biết dục thì không biết tâm, nếu biết tâm thì không biết dục, như quán áo nhớ! Nếu quán nhớ, thì không quán áo, nếu quán áo thì không quán nhớ! Tâm có dục kia cũng giống như thế.

Kinh khác lại nói làm sao hiểu được? Như nói: Ngay lúc Đức Thế Tôn nhớ lại, biết khắp ý nghĩ trong tâm của chúng tăng?

Đáp: Do tỷ tướng mà biết chứ chẳng phải dùng tha tâm trí. Đức

Thế Tôn dùng tha tâm trí quán tâm của một Tỳ-kheo đang an trụ trong đạo vắng lặng. Kế là dùng trí tỷ tướng để biết tâm của các Tỳ-kheo cũng thế.

Lại có người nói: Đức Thế Tôn không dùng tha tâm trí để biết, cũng không dùng trí tỷ tướng để biết, mà dùng trí nguyện để biết.

Lại có người nói: Đức Thế Tôn không dùng tha tâm trí, trí tỷ tướng, trí nguyện để biết. Khi Đức Thế Tôn được tận trí, được pháp tâm, tâm sở vô ký không ẩn một không hề được cõi Dục, cũng không nhập thiền, cũng không khởi thần thông hiện ở trước. Ngay lúc nhớ lại vẫn biết khắp tâm của các Tỳ-kheo tăng.

Lại có người nói: Do biết nhiều pháp.

Hỏi: Nếu vậy thì làm sao thế là ba niệm xứ?

Đáp: Lúc phương tiện đầu là thông của ba niệm xứ. Nếu đầy đủ là duyên chung pháp niệm xứ.

Lời bình: Nên nói rằng: Hết thấy tha tâm trí duyên với một pháp, là quán tướng riêng, duyên hiện tại, duyên pháp tâm, tâm sở của người khác. Trong kiến đạo thì không, trong tu đạo, không tương ứng với tam- muội Không, vô tướng, không gồm nhiếp tận trí, trí vô sinh. Trong đạo vô ngại, không có tha tâm trí. Về pháp nên là như thế.

Thế nào là trí nhớ lại đời trước?

Đáp: Nếu trí là tu, là quả của tu, từ tu sinh, được rồi không mất. Do trí này nên nhớ lại đến vô số đời sống trong quá khứ, với tướng mạo như thế, đó gọi là trí nhớ lại đời trước. Việc hỏi đáp trong đây nói rộng như tha tâm trí.

Thế nào là tướng như thế? Mạo như thế?

Đáp: Tướng như thế, nghĩa là hữu của thời gian trước. Mạo như thế nghĩa là trung hữu.

Lại có người nói: Tướng như thế là Trung hữu. Mạo như thế là Hữu của thời gian trước. Vì sao? Vì Hữu của thời gian trước có thể bảo cho người ta biết. Đây là mạo sai khác giữa Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-Xá, Thủ đà Như kinh nói:

Phật bảo Tôn giả A-nan: Nếu có tướng như thế, mạo như thế được lập bày gọi là sắc thân. Nếu vô tướng như thế, mạo như thế có thể lập bày thì có xúc đối hay không? Đáp: Không!

Kinh kia nói: Nội nhập là tướng, ngoại nhập là mạo.

Lại có người nói: Kinh kia nói: Nội nhập là mạo, ngoại nhập là tướng. Vì sao? Vì nội nhập nên nói các thức có tướng khác nhau.

Như nói: Trừ ngần ấy việc trên!

Ở đây vô tướng mạo như thế, do vậy nên bỏ. Như nói: Nếu dùng tướng như thế mạo như thế, nhập Sơ thiền. Tướng như thế là phương tiện, mạo như thế là sở duyên. Như kệ nói:

*Nếu thành tựu tám trí
Tướng mạo mười sáu hành
Như vàng Diêm-phù-đàn
Không thể nói lỗi ấy.*

Tuệ nói trong đây, gọi là tướng mạo.

Vô số đời sống trong quá khứ: Là nói cảnh giới của trí nhớ lại đời trước. Lẽ ra nói là một. Trí nhớ lại đời trước được thông của trí nhớ lại đời trước, nhớ lại minh của đời trước, nhớ lại lực của đời trước. Lẽ ra nói là hai, đó là đã từng được, không hề được. Nên nói ba là: Thượng, trung, hạ. Nên nói bốn là: Quả Sơ thiền, cho đến quả đệ Tứ thiền. Nên nói là sáu: Đã từng được có ba thứ, không hề được có ba thứ, là phẩm thượng, trung, hạ. Nên nói là tám: Địa Sơ thiền có hai thứ, đó là đã từng được, không hề được, cho đến địa Tứ thiền cũng giống như thế.

Nên nói chín, đó là phẩm hạ, hạ, cho đến phẩm thượng, thượng. Nên nói là mười hai: Sơ thiền có ba thứ là: Thượng, trung, hạ, cho đến đệ Tứ thiền cũng giống như thế.

Nên nói mười tám: Đã từng được có chín thứ, không hề được có chín thứ.

Nên nói hai mươi bốn: Sơ thiền có sáu thứ, đó là đã từng được có ba thứ, không hề được có ba thứ, cho đến đệ Tứ thiền cũng giống như thế.

Nên nói là ba mươi sáu: Sơ thiền có chín thứ, cho đến đệ Tứ thiền cũng giống như thế.

Nên nói là bảy mươi hai: Sơ thiền đã từng được có chín thứ, không hề được có chín thứ, cho đến đệ Tứ thiền cũng thế.

Nếu ở thân, hoặc ở sát-na, thì sẽ có Vô lượng vô biên trí nhớ lại đời trước. Trong ấy, nhân nói chung về một trí nhớ lại đời trước để soạn luận.

Hỏi: Thể tánh của trí nhớ lại đời trước là gì?

Đáp: Thể tánh là tuệ. Do sức của niệm nhiều nên gọi là trí nhớ lại đời trước, như thể tánh của niệm xứ là tuệ, do sức của niệm nhiều, nên gọi là niệm xứ.

Như thể tánh của niệm A-Na-Ba-Na là tuệ, do sức của niệm nhiều nên gọi là niệm A na ba na. Thể tánh của niệm nhớ lại đời trước là tuệ, nhưng do sức của niệm nhiều, nên gọi là nhớ lại đời trước. Thể tánh của

trừ sắc tướng là tuệ, do sức tướng nhiều, nên gọi là trừ sắc tướng. Như vậy, thể tánh của trí nhớ lại đời trước là tuệ, do sức của niệm nhiều, nên gọi là trí nhớ lại đời trước. Đó là thể tánh của trí nhớ lại đời trước, cho đến nói rộng.

* * * * *